

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 9 - 2020

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Huệ

Ông Vũ Xuân Điền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 3/524, ấp M, xã N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đài Loan; chỗ ở hiện nay: TaiWan (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn chị A trình bày:* Chị A và anh B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/5/2005. Sau khi kết hôn, anh B bảo lãnh chị A sang Đài Loan chung sống với nhau. Đến năm 2014, chị A trở về Việt Nam, cuối năm 2015, anh B sang Việt Nam chung sống với chị A tại nhà cha mẹ của chị A ở ấp M, xã N, thành phố O, đến năm 2017 anh B về Đài Loan cho đến nay. Từ khi về Đài Loan đến nay, anh B không sang Việt Nam thăm chị A nữa, giữa chị và anh B cũng không thường xuyên liên lạc với nhau, không có hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A xác định giữa chị và anh B có 01 người con chung là cháu C, sinh ngày 30/10/2014, nay cháu C đang sống với chị A, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Đối với bị đơn anh B:* Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh B. Ngày 07/10/2019, Bộ Tư pháp có Văn bản số 3251/BTP-PLQT về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh B, nội dung: “*Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan không thể thực hiện được ủy thác nêu trên do: Địa chỉ không đầy đủ*”. Chị A cung cấp địa chỉ mới của anh B và Tòa án tiếp tục thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh B theo địa chỉ mới. Ngày 24/4/2020, Bộ Tư pháp có Văn bản số 979/BTP-PLQT về kết quả ủy thác đối với anh B: “*Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 02/3/2020 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an*”. Tuy nhiên, anh B cũng không sang Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung: Tiếp tục giao cháu C, sinh ngày 30/10/2014 cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị A cư trú tại: Số 3/524, ấp M, xã N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu xin ly hôn với bị đơn anh B đang cư trú tại địa chỉ: Taiwan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, anh B vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh B.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 18/5/2005 có cơ

sở xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị A và anh B chung sống với với nhau từ năm 2005 đến năm 2017 tại Việt Nam và Đài Loan. Tuy nhiên từ năm 2017 đến nay giữa chị A và anh B đã không còn chung sống với nhau, mỗi người ở một nơi không thể quan tâm, chăm sóc nhau được. Nay chị A yêu cầu ly hôn.

[5] Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tuy nhiên giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hai người ở hai quốc gia khác nhau và không thể đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[6] Quá trình chung sống, chị A xác định chị và anh B có 01 người con chung là cháu C, sinh ngày 30/10/2014, hiện nay cháu C đang sống với chị A, chị A yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu B đang chung sống với chị A và để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu nên tiếp tục giao cháu C cho chị A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị A xác định chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu C, sinh ngày 30/10/2014 cho chị A trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000 đồng, chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010091 ngày 21/5/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5. Lệ phí ủy thác tư pháp, chị A phải chịu 400.000 đồng. Chị A đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010105 ngày 04/6/2019 và 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010141 ngày 22/11/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu lệ phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

**Trương Thanh Dũng**